

Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 45A-47 đường 30/4, phường T, quận N, Thành phố C; có mặt

- *Bị đơn:*

1/ Ông **Nguyễn Phước T**, sinh năm: 1957;

2/ Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm: 1958;

Cùng địa chỉ: 20/3A đường T, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn M; địa chỉ: 70/21 đường T, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (văn bản ủy quyền ngày 04/4/2022); có mặt;

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn:* Luật sư Nguyễn Quốc H, sinh năm: 1980; địa chỉ: 173 Nguyễn Văn T, Tổ 1, Khóm H, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long - Là Luật sư của Chi nhánh Công ty Luật TNHH Chấn Hoàng & Cộng sự tại Vĩnh Long, thuộc đoàn Luật sư Thành phố C (Xác nhận số: 22/2022/XN-TA, ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long) có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 15/11/2021 và đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 20/12/2021, T trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K trình bày:

Ngày 20/12/2018 T ký Hợp đồng tín dụng số TCU 20185893

-1369/HDTD và ngày 28/12/2018 ký Đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số TCU201858931369/01 với ông Nguyễn Phước T và bà Nguyễn Thị C (còn gọi là bị đơn) để vay 6.549.884.025đ, mục đích vay để thanh toán tiền mua bất động sản, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất 7,65%/năm trong thời hạn 12 tháng tính từ ngày 28/12/2018, thời hạn vay còn lại áp dụng lãi suất thả nổi. Hình thức trả: Tiền gốc trả trong 108 kỳ (1 tháng/ kỳ), mỗi kỳ 60.647.000đ (trả vào ngày 26 hàng tháng) số tiền trả kỳ cuối là 60.655.025đ, ngày trả nợ cuối cùng là 28/12/2028; tiền lãi trong 12 tháng đầu kể từ ngày nhận nợ, các bị đơn trả lãi 06 tháng/lần vào ngày 26, thời gian tiếp theo bị đơn trả lãi 1 tháng/lần vào ngày 26 hàng tháng, kỳ cuối cùng trả vào ngày cuối cùng của thời hạn vay.

Để thực hiện Hợp đồng bị đơn có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận tại đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ ngày 28/12/2018. **Bị đơn trả được nợ gốc 173.520.286đ và nợ lãi 674.308.653đ.**, vi phạm nghĩa vụ trả nợ **tính đến ngày 16/12/2021** bị đơn còn phải thanh toán cho T số tiền

7.782.268.897đ. T khởi kiện và người đại diện hợp pháp ông K yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn trả 7.782.268.897đ (trong đó: tiền gốc 6.376.363.739đ, tiền lãi tính đến 16/12/2021 là 1.405.905.158đ) và tiền lãi phát sinh từ ngày 17/12/2021 theo hợp đồng hai bên thỏa thuận cho đến khi thanh toán hết nợ; bị đơn chịu mọi chi phí phát sinh khi xử lý nợ, T không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Tại biên bản hòa giải ngày 28/4/2022, đại diện của T ông K yêu cầu bị đơn trả một lần đủ số tiền nợ 8.103.386.678đ, cho thời hạn trả đến ngày 28/7/2022; tiền lãi tiếp tục trả trên dư nợ gốc từ ngày 28/4/2022 đến khi thu hồi hết nợ, bị đơn tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm 29.026.000đ.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Hợp đồng tín dụng số TCU 201858931369/HDTD ngày 20/12/2018 (bản sao), đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/12/2018 (bản có dấu mộc treo của T). Ngoài ra, còn có các tài liệu, chứng cứ cần thiết khác đảm bảo thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Phước T và bà Nguyễn Thị C cũng như tại phiên tòa sơ thẩm do người đại diện hợp pháp ông Nguyễn Mạnh K trình bày:

Ông K thừa nhận bị đơn có ký hợp đồng tín dụng và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ để vay số tiền, mục đích vay, thời hạn vay, mức lãi suất và hình thức trả nợ như ông K trình bày là đúng. Bị đơn thừa nhận nợ gốc và nợ lãi theo yêu cầu tại đơn khởi kiện, bị đơn có trả được nợ gốc và nợ lãi như ông K trình bày. Sau đó, do bị ảnh hưởng của dịch bệnh kinh tế khó khăn nên bị đơn chưa trả được số tiền nợ theo thỏa thuận. Nay, bị đơn đang gặp khó khăn không có khả năng trả một lần nhưng T đã xem xét cho thời hạn trả 03 tháng nên bị đơn thống nhất ý kiến của T trả nợ vào ngày 28/7/2022, sau khi trả hết nợ bị đơn làm đơn yêu cầu xem xét khoản nợ lãi còn lại sau. Thống nhất ý kiến của T không xử lý tài sản thế chấp, bị đơn đề nghị xem xét miễn án phí do là người cao tuổi, làm ăn khó khăn mất khả năng chi trả nợ. Tại bản khai ngày 03/5/2022 (về việc thay đổi ý kiến đã thỏa thuận tại biên bản hòa giải thành ngày 28/4/2022) bị đơn không đồng ý nợ lãi quá hạn 415.654.444đ, đề nghị ngân hàng thông cảm cho tình hình dịch bệnh khó khăn, không làm ăn được, tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ, xin chỉ tính nợ lãi trong hạn 1.311.368.495đ; xin gia hạn thời gian trả nợ 06 tháng, trả vào ngày 28/10/2022, trong thời gian này Ngân hàng không tính lãi, bị đơn không tự nguyện chịu án phí sơ thẩm 29.026.000đ theo biên bản hòa giải thành ngày 28/4/2022.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, tại biên bản hòa giải cho thời hạn trả 03 tháng đã thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án. Ngày 03/5/2022 các bị đơn thay đổi ý kiến nên T không đồng ý cho thêm thời hạn, trường hợp đưa ra xét xử thì phải tất toán nợ, nợ lãi quá hạn và lãi chậm trả được tính theo thỏa thuận của hai bên; **yêu cầu tiền lãi phát sinh từ ngày 17/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 501.536.993đ** (kèm bảng kê tính lãi đến ngày **15/7/2022**). Tổng cộng là 8.283.805.890đ (trong đó: Nợ gốc **6.376.363.739đ**; nợ lãi 1.907.442.151đ). Đại diện bị đơn, ông K đồng ý nợ gốc và nợ lãi trong hạn, xin miễn lãi quá hạn và lãi chậm trả.

* Ý kiến của Luật sư Nguyễn Quốc H tại phiên tòa:

Đối với tiền gốc và tiền lãi trong hạn Luật sư thống nhất ý kiến của ông Khương. Đối với lãi quá hạn và lãi chậm trả do tình hình dịch bệnh, công việc làm ăn của bị đơn đang gặp rất nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến nền kinh tế chung trong cả nước, hệ thống ngân hàng có chính sách giảm lãi cho khách hàng vay, các tổ chức tín dụng thực hiện cơ cấu trong việc cho vay lại (điều chỉnh) lãi suất đảm bảo quyền lợi cho người vay. Vì vậy, đề nghị Ngân hàng xem xét miễn lãi quá hạn và lãi chậm trả cho bị đơn.

Đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Techcombank khởi kiện yêu cầu **bị đơn trả** 8.283.805.890đ, **ông Khương đại diện của bị đơn** xin miễn lãi quá hạn và lãi chậm trả. Xét chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định là Hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; thời điểm ký hợp đồng **bị đơn cư** trú tại 20/3A T, Phường B, thành phố V. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của T.

[2.1] Về tiền gốc: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số TCU 201858931369/HD -TD ngày 20/12/2018, đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ ngày 28/12/2018 được ký giữa T và **bị đơn**, hợp đồng tín dụng thể hiện số tiền vay 6.549.884.025đ là có thật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành

hòa giải, hai bên thống nhất được về nợ gốc, nợ lãi; thời hạn trả và án phí nhưng bị đơn thay đổi ý kiến, cụ thể: xin thêm thời hạn trả 06 tháng, tại phiên tòa ông K không cho thời hạn mà yêu cầu tắt toán nợ, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận đề nghị của bị đơn về việc cho thêm thời hạn trả 06 tháng. **Bị đơn** vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng, các chứng cứ nguyên đơn đưa ra để xác định yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, T yêu cầu **bị đơn** trả **tiền gốc** 6.376.363.739đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về tiền lãi: Căn cứ Hợp đồng hai bên có thỏa thuận lãi suất, xét thấy sự thỏa thuận mức lãi của các đương sự không phụ thuộc vào Bộ luật Dân sự mà được điều chỉnh theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), hai bên thỏa thuận lãi suất là tự nguyện nên căn cứ các điều 91, 95, 98 và Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, bị đơn xin miễn lãi quá hạn và lãi chậm trả do tình hình dịch bệnh, đang gặp khó khăn, Hội đồng xét xử thấy việc thỏa thuận được hai bên xác lập tại đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, đồng thời Ngân hàng đã áp dụng các chính sách giảm lãi cho khách hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, bị đơn chưa trả được khoản tiền nợ nào, T không đồng ý đề nghị này nên không có căn cứ để miễn lãi. Do đó, nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi phát sinh từ ngày **17/12/2021** đến ngày xét xử sơ thẩm (15/7/2022) theo mức lãi thỏa thuận tại hợp đồng là có cơ sở chấp nhận, **tiền lãi được chấp nhận là 1.907.442.151đ.**

[3] Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu **bị đơn** trả **8.283.805.890đ**, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ; bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông T sinh năm 1957, bà C sinh năm 1958 là người cao tuổi có nộp thủ tục xin miễn án phí theo quy định nên Hội đồng xét xử căn cứ **Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự**; điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV-QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn theo quy định. Hoàn trả cho T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[4] Xét đề nghị của luật sư Nguyễn Quốc H tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Áp dụng 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV-QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T (gọi tắt là T);

Buộc ông Nguyễn Phước T và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho Techcombank **số tiền 8.283.805.890đ** (trong đó: Nợ gốc 6.376.363.739đ; **nợ lãi 1.907.442.151đ** tính đến ngày 15/7/2022).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (16/7/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số TCU 201858931369/HDTD ngày 20/12/2018.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1/ Ông Nguyễn Phước T và bà Nguyễn Thị C được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

2.2/ Techcombank được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.891.000đ (năm mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi một ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số N⁰ 0000965 ngày 17/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- TAND tỉnh VL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Loan

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VINH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 40 phút, ngày 15 tháng 7 năm 2022.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Chi, ông Phạm Văn Tư

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 09/2022/TLST-DS ngày 16/02/2022 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” giữa:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam** (gọi tắt là Techcombank); địa chỉ: 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng Anh- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (Giấy chứng nhận ĐKDN Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 50, ngày 10/8/2018); Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ký hợp đồng tín dụng: Ông Ngô Thanh Quang, chức vụ: Phó Giám đốc (Quyết định số: 19602/QĐ-TGD ngày 19/11/2016)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Nhật Quang - Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ của Ngân hàng (Quyết định số: 617/2018/QĐ-HĐQT ngày 27/4/2018 và Quyết định số: 3900/2015/QĐ-TGD ngày 15/5/2015); ông Trần Nhật Quang ủy quyền lại cho: Ông **Nguyễn Quốc Khải** - Chuyên viên xử lý nợ của Ngân hàng (Giấy ủy quyền số: 1016-02/2021/UQMN-TCB ngày 15/11/2021); địa chỉ: tầng 15 Số 9-11 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 45A-47 đường 30/4, phường Tân An, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ; có mặt

- *Bị đơn:*

1/ Ông **Nguyễn Phước Trân**, sinh năm: 1957;

2/ Bà **Nguyễn Thị Cúc**, sinh năm: 1958;

Cùng địa chỉ: 20/3A đường Trần Phú, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh Khương; địa chỉ: 70/21 đường Trần Phú, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (văn bản ủy quyền ngày 04/4/2022); có mặt;

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn:* Luật sư Nguyễn Quốc Huy, sinh năm: 1980; địa chỉ: 173 Nguyễn Văn Thanh, Tổ 1, Khóm 2, phường Cái Vồn, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long - Là Luật sư của Chi nhánh Công ty Luật TNHH Chấn Hoàng & Cộng sự tại Vĩnh Long, thuộc đoàn Luật sư Thành phố Cần Thơ (Xác nhận số: 22/2022/XN-TA, ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) có mặt;

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬT, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3, quyết định:

Áp dụng các điều 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Áp dụng 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV-QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (gọi tắt là Techcombank);

Buộc ông Nguyễn Phước Trân và bà Nguyễn Thị Cúc có nghĩa vụ trả cho Techcombank **số tiền 8.283.805.890đ** (trong đó: Nợ gốc 6.376.363.739đ; **nợ lãi 1.907.442.151đ** tính đến ngày 15/7/2022).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (16/7/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số TCU 201858931369/HDTD ngày 20/12/2018.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1/ Ông Nguyễn Phước Trân và bà Nguyễn Thị Cúc được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

2.2/ Techcombank được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.891.000đ (năm mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi một ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số N⁰ 0000965 ngày 17/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 20 phút, ngày 15 tháng 7 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1/

2/

.....

